

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SKHĐT ngày tháng 12 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

*Đơn vị tính đồng*

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Vấn phòng
1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi nộp Ngân sách phí, lệ phí</b>			
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>225.000.000</b>	<b>225.000.000</b>	<b>225.000.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>
	Lệ phí Đăng ký kinh doanh	25.000.000	25.000.000	25.000.000
<b>1.2</b>	<b>Phí</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
	Phí công bố thông tin doanh nghiệp	50.000.000	50.000.000	50.000.000
	Phí thẩm định dự án đầu tư	150.000.000	150.000.000	150.000.000
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu</b>	<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
	Phí công bố thông tin doanh nghiệp	9.000.000	9.000.000	9.000.000
	Thu để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương 40%	81.000.000	81.000.000	81.000.000
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>75.000.000</b>	<b>75.000.000</b>	<b>75.000.000</b>
	Lệ phí Đăng ký kinh doanh 100%	25.000.000	25.000.000	25.000.000
	Phí công bố thông tin doanh nghiệp 70%	35.000.000	35.000.000	35.000.000
	Phí thẩm định dự án đầu tư 10%	15.000.000	15.000.000	15.000.000
<b>4</b>	<b>Thu để thực hiện cải cách tiền lương 40%</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
	Phí công bố thông tin doanh nghiệp	6.000.000	6.000.000	6.000.000
	Phí thẩm định dự án đầu tư	54.000.000	54.000.000	54.000.000

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SKHĐT ngày tháng 12 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

*Đơn vị tính đồng*

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng
1	2	3	4	5
<b>B</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>	<b>8.911.000.000</b>	<b>8.911.000.000</b>	<b>8.911.000.000</b>
<b>I</b>	<b>1. Chi quản lý hành chính: Văn phòng Sở Chương: 413, Loại: 340, khoản: 341</b>	<b>8.911.000.000</b>	<b>8.911.000.000</b>	<b>8.911.000.000</b>
1.1	1.1: Kinh phí thực hiện tự chủ (Mã nguồn 13)	6.450.000.000	6.450.000.000	6.450.000.000
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>- Kinh phí thực hiện tự chủ tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương (Mã nguồn 14): 155 triệu đồng</i>	<i>155.000.000</i>	<i>155.000.000</i>	<i>155.000.000</i>
	<i>- Lương hợp đồng theo Nghị định 68 (Mã nguồn 13)</i>	<i>240.000.000</i>	<i>240.000.000</i>	<i>240.000.000</i>
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ ( <b>Mã nguồn 12, Chương: 413, Loại: 340, khoản: 341</b> ): - Phụ cấp công vụ: 816 triệu đồng; - Phụ cấp thanh tra: 62 triệu đồng; - Kinh phí Tuyên truyền trên các tạp chí báo đài về thu hút đầu tư: 40 triệu đồng; - Đặc thù, xăng dầu, công tác phí tham gia các cuộc giám sát, đi kiểm tra cơ sở, sơ kết, tổng kết, rà soát đánh giá xây dựng đề án, nghị quyết và phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra giám sát, công tác phí và văn phòng phẩm phục vụ các kỳ họp Tỉnh ủy, HĐND, UBND và các nhiệm vụ của tỉnh giao: 800 triệu đồng; - Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: 19 triệu đồng; - Kinh phí chi công tác phí đi vận động thu hút các nguồn vốn nước ngoài: 240 triệu đồng; - Kinh phí trang phục thanh tra: 30 triệu đồng; - Chi phí thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư: 150 triệu đồng; - Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị làm việc của Giám đốc Sở: 40 triệu đồng; - Sửa chữa xe ô tô: 200 triệu đồng.	2.397.000.000	2.397.000.000	2.397.000.000
	<i>Trong đó: kinh phí không thực hiện tự chủ tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương (Mã nguồn 14)</i>	<i>139.000.000</i>	<i>139.000.000</i>	<i>139.000.000</i>
1.3	Kinh phí không thực hiện tự chủ ( <b>Mã nguồn 12, chương 413, loại 070, khoản 083</b> )	64.000.000	64.000.000	64.000.000

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SKHĐT ngày tháng 12 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

*Đơn vị tính đồng*

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
1	2	3	4	5
<b>B</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>	<b>7.055.000.000</b>	<b>7.055.000.000</b>	<b>7.055.000.000</b>
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch</b> <b>Chương: 413, Loại: 280, Khoản: 338</b>	<b>7.055.000.000</b>	<b>7.055.000.000</b>	<b>7.055.000.000</b>
2.1	2.1. Kinh phí thường xuyên ( <b>Mã nguồn 13</b> )	1.365.000.000	1.365.000.000	1.365.000.000
	<i>Trong đó:</i> <i>- Kinh phí thường xuyên tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương (<b>Mã nguồn 14</b>)</i>	<i>19.000.000</i>	<i>19.000.000</i>	<i>19.000.000</i>
2.2	2.2. Kinh phí không thường xuyên ( <b>Mã nguồn 12</b> ) - Kinh phí thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư: 3.300 triệu đồng; - Kinh phí xây dựng và triển khai bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Lai Châu năm 2022: 1.100 triệu đồng; - Kinh phí tham gia các sự kiện, hội chợ: 900 triệu đồng; - Kinh phí tổ chức gặp mặt các doanh nhân, đối thoại doanh nghiệp, chương trình cà phê doanh nhân: 150 triệu đồng; - Kinh phí thương mại điện tử: 40 triệu đồng; - Kinh phí in tái bản, nổi bản sách, tập gấp quảng bá du lịch; xây dựng mới, in ấn và phát hành Bản đồ, sổ tay, video giới thiệu về tổng quan du lịch Lai Châu: 200 triệu đồng	5.690.000.000	5.690.000.000	5.690.000.000
	<i>Trong đó: kinh phí không thường xuyên tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương (<b>Mã nguồn 14</b>)</i>	<i>569.000.000</i>	<i>569.000.000</i>	<i>569.000.000</i>